

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

9/11

D71-111

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (16 -)/DA22YHDP

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

09/11/2023

Phòng thi: D71-111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	D.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Ghi chú
1	118322001	Lê Văn Bình	09/09/2004	Nam	10.0	3.8	6.9	001	Bình		
2	118322013	Châu Hiếu Thi	22/05/2004	Nữ	9.8	4.5	7.2	002	Thi		
3	118322017	Trần Minh Tâm	19/09/2004	Nam	10.0	4.5	7.3	003	Tâm		
4	118322018	Trần Chí Thiện	05/05/2004	Nam	10.0	5.5	7.8	004	Thiện		
5	118322020	Trần Thị Cẩm Tiên	29/05/2004	Nữ	10.0	4.8	7.4	005	Tiên		
6	118322021	Đặng Ngô Ngọc Trâm	01/07/2004	Nữ	9.8	5.0	7.4	006	Trâm		
7	118322025	Trần Minh Trí	13/11/1993	Nam	10.0	5.3	7.7	007	Trí		
8	118322026	Danh Thị Ngọc Trọn	12/11/2004	Nữ	10.0	5.3	7.7	008	Trọn		
9	118322029	Võ Thị Kim Tuyền	20/01/2003	Nữ	9.8	5.3	7.6	009	Tuyền		
10	118322031	Huỳnh Lê Quốc Anh	28/08/2004	Nam	/	/	/	/	Anh		Rất tốt
11	118322032	Ngô Thái Bảo	16/11/2004	Nam	10.0	5.3	7.7	011	Bảo		
12	118322033	Hồ Quang Công	17/03/2001	Nam	/	/	/	/	Quang		Rất tốt
13	118322035	Trần Thành Đạt	02/05/2004	Nam	10.0	5.0	7.5	013	Đạt		
14	118322040	Ngô Thị Vân Khanh	09/03/2004	Nữ	9.5	5.5	7.5	014	Khanh		
15	118322046	Phan Thị Thanh Nhân	22/04/2004	Nữ	10.0	5.0	7.5	015	Nhân		
16	118322047	Nguyễn Thị Mỹ Nhi	19/07/2004	Nữ	10.0	5.0	7.5	015	Nhi		
17	118322048	Thạch Thị Thanh Tâm	09/10/2004	Nữ	9.0	/	/	/	Tâm		
18	118322050	Dương Hồng Thơ	13/09/2004	Nữ	10.0	5.3	7.7	018	Thơ		
19	118322059	Thiên Đồng Hoài Thu	11/09/2003	Nữ	9.3	4.0	6.7	019	Thu		
20	118322062	Thạch Thị Minh Châu	25/03/2004	Nữ	9.8	3.3	6.6	020	Châu		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 17

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

Nguyễn Duy Tuấn

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 11 năm 23

Cán bộ ghi điểm: Cao Dương phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Lan

Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (16 -)/DA22YHDP

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

09/11/2023

Phòng thi: 15H 111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	D.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	118322066	Lương Thiên Lộc	09/05/2004	Nam	9.5	4.3	6.9	021	<u>loc</u>		
2	118322078	Phùng Thị Bảo Trân	27/07/2004	Nữ	10.0	4.3	7.2	022	<u>thuan</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1:

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 11 năm 23.

Cán bộ ghi điểm: Thầy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Kali

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (16 -)/DA22YKE

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Traffic nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

09/11/2023

Phòng thi: D71.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	116022001	Trần Chí Anh	01/08/2004	Nam	10.0	8,3	9.2	001	<u>anh</u>		
2	116022002	Trần Bảo Trân	08/02/2004	Nữ	10.0	7,3	8.7	002	<u>trần</u>		
3	116022195	Phạm Nhật Thy	03/12/2003	Nữ	9.8	8,0	8.9	003	<u>thy</u>		
4	116022196	Bùi Mỹ Tiên	06/10/2004	Nữ	10.0	8,3	9.2	004	<u>tiên</u>		
5	116022198	Võ Thị Ngọc Trâm	11/03/2003	Nữ	10.0	8,8	9.4	005	<u>ngọc</u>		
6	116022199	Kim Tú Trân	31/10/2004	Nữ	10.0	6,3	8.2	006	<u>kim</u>		
7	116022201	Thạch Nguyễn Thùy Trang	09/11/2004	Nữ	10.0	5,0	7.5	007	<u>thạch</u>		
8	116022202	Trần Thị Thùy Trang	03/01/2003	Nữ	9.8	4,3	7.1	008	<u>trần</u>		
9	116022203	Bùi Minh Triết	25/07/2004	Nam	9.8	6,5	8.2	009	<u>minh</u>		
10	116022204	Ngô Minh Triết	08/08/2004	Nam	10.0	7,0	8.5	010	<u>ngô</u>		
11	116022205	Phạm Phương Mỹ Trinh	08/01/2003	Nữ	10.0	6,8	8.4	011	<u>phạm</u>		
12	116022206	Phạm Phương Tuyết Trinh	08/01/2003	Nữ	10.0	6,8	8.4	012	<u>phạm</u>		
13	116022207	Võ Thị Thu Trinh	23/05/2004	Nữ	10.0	6,8	8.4	013	<u>thu</u>		
14	116022208	Lê Thị Ngọc Trúc	05/02/2004	Nữ	10.0	6,3	8.2	014	<u>lê</u>		
15	116022209	Nguyễn Trần Minh Trung	27/02/2003	Nam	10.0	6,3	8.2	015	<u>nguyễn</u>		
16	116022210	Trần Minh Trường	28/03/2004	Nam	9.5	7,0	8.3	016	<u>trần</u>		
17	116022211	Huỳnh Thanh Truyền	20/03/2003	Nam	10.0	7,8	8.9	017	<u>huỳnh</u>		
18	116022212	Hồ Cẩm Tú	14/02/2004	Nữ	10.0	6,0	8.0	018	<u>hồ</u>		
19	116022213	Phan Minh Tú	11/02/1999	Nam	9.5	6,5	8.0	019	<u>phan</u>		
20	116022214	Phạm Thị Cẩm Tú	08/12/2004	Nữ	10.0	7,0	8.5	020	<u>phạm</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20...

Tổng số tờ: 20...

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 11 năm 23.

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Văn Ngọc

Cán bộ ghi điểm: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

9/11

D71.113

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (16 -)/DA22YKE

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....09...../.....11...../2023.....

Phòng thi:.....D71.113.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQ T	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Ghi chú
1	116022215	Phạm Khắc Tuấn	15/11/2004	Nam	10.0	7.0	8.5	001	<u>Phạm Khắc Tuấn</u>		
2	116022216	Lê Nguyễn Anh Tuấn	17/08/2004	Nam	9.5	6.5	8.0	002	<u>Lê Nguyễn Anh Tuấn</u>		
3	116022217	Nguyễn Mai Quốc Tuấn	21/09/2004	Nam	10.0	7.0	8.5	003	<u>Nguyễn Mai Quốc Tuấn</u>		
4	116022218	Vương Hoàng Tùng	22/01/2004	Nam	9.3	6.8	8.1	004	<u>Vương Hoàng Tùng</u>		
5	116022219	La Sứ Cát Tường	24/12/2004	Nữ	8.8	5.3	7.6	005	<u>La Sứ Cát Tường</u>		
6	116022220	Lý Khánh Tường	14/01/2003	Nữ	10.0	7.5	8.8	006	<u>Lý Khánh Tường</u>		
7	116022221	Kim Thị Bích Tuyền	27/05/2004	Nữ	10.0	6.8	8.4	007	<u>Kim Thị Bích Tuyền</u>		
8	116022222	Nguyễn Thanh Tuyền	27/10/2004	Nữ	10.0	6.5	8.3	008	<u>Nguyễn Thanh Tuyền</u>		
9	116022223	Lý Thanh Tuyết	25/10/2004	Nữ	10.0	5.0	7.5	009	<u>Lý Thanh Tuyết</u>		
10	116022226	Lê Trâm Uyên	16/12/2004	Nữ	10.0	6.0	8.0	010	<u>Lê Trâm Uyên</u>		
11	116022227	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	20/04/2004	Nữ	10.0	6.0	8.0	011	<u>Nguyễn Ngọc Phương Uyên</u>		
12	116022228	Nguyễn Phương Uyên	30/10/2003	Nữ	10.0	6.0	8.0	012	<u>Nguyễn Phương Uyên</u>		
13	116022229	Nguyễn Võ Hoàng Uyên	24/08/2004	Nữ	10.0	5.5	7.8	013	<u>Nguyễn Võ Hoàng Uyên</u>		
14	116022230	Huỳnh Yến Vân	16/09/2004	Nữ	10.0	7.0	8.5	014	<u>Huỳnh Yến Vân</u>		
15	116022231	Trần Hiếu Văn	26/03/2004	Nam	10.0	7.8	8.9	015	<u>Trần Hiếu Văn</u>		
16	116022232	Thái Đức Không Vi	13/10/2004	Nữ	10.0	6.5	8.3	016	<u>Thái Đức Không Vi</u>		
17	116022233	Dương Công Vinh	20/02/2004	Nam	10.0	5.5	7.8	017	<u>Dương Công Vinh</u>		
18	116022234	Lê Quang Vinh	16/12/2002	Nam	10.0	7.0	8.5	018	<u>Lê Quang Vinh</u>		
19	116022235	Lê Văn Võ	23/09/2004	Nam	10.0	7.5	8.8	019	<u>Lê Văn Võ</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 19

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ:.....

Cán bộ coi thi 1: Nal Võ Ngọc Giàu

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 11 năm 23

Cán bộ ghi điểm: Lan Cao Dương phương lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Lan

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

9/11

DJ1.114

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (16 -)/DA22YKE

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: T.N.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
.....09...../11...../2023.....

Phòng thi: D21.114.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116022237	Lâm Nguyễn Tường Vy	13/03/2004	Nữ	10.0	7.3	8.7	020			
2	116022238	Nguyễn Lê Trúc Vy	28/05/2004	Nữ	10.0	7.3	8.7	007			
3	116022239	Nguyễn Y Như Ý	05/12/2004	Nữ	10.0	5.0	7.5	008			
4	116022240	Nguyễn Thị Hồng Yến	04/08/2003	Nữ	10.0	6.0	8.0	009			
5	116022265	Trần Đăng Thụy	25/01/2003	Nữ	9.5	5.0	7.3	010			
6	116022266	Hứa Thạch Hương Trà	17/10/2003	Nữ	10.0	6.0	8.0	011			
7	116022269	Thạch Thị Giang Trinh	25/04/2003	Nữ	10.0	3.3	6.7	012			
8	116022270	Huỳnh Hiếu Trung	30/10/2003	Nam	9.5	3.5	6.5	013			
9	116022272	Thạch Thị Mỹ Yến	21/10/2003	Nữ	9.8	4.0	6.9	014			
10	116022331	Nguyễn Đức Tài	15/02/2003	Nam	10.0	6.8	8.4	017			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 10....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 10....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 10....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50....%; Điểm KT: 50....%

Trà Vinh, Ngày 14.. tháng 11.. năm 23..

Cán bộ coi thi 1: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

9/11

ĐTH. 110

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
29/11/2023

Phòng thi: ĐTH. 110

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (16 -)/DA22THD

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Ghi chú
1	114322021	Bạch Dương Bảo Hân	09/08/2004	Nữ	10.0	5.5	7.8	001	<u>Bach</u>		
2	114322043	Sĩ Ngọc Thiên Kim	14/10/2004	Nữ	10.0	6.8	8.4	002	<u>Thiên</u>		
3	114322044	Nguyễn Thị Hồng Lam	10/10/2004	Nữ	10.0	5.8	7.9	003	<u>Lam</u>		
4	114322049	Hồng Nguyễn Thanh Mai	18/12/2004	Nữ	10.0	7.0	8.5	004	<u>Mai</u>		
5	114322052	Nguyễn Thị Trà My	01/04/2004	Nữ	9.8	5.8	7.8	005	<u>My</u>		
6	114322057	Đinh Thị Phương Ngân	12/10/2004	Nữ	10.0	5.8	7.9	006	<u>Ngân</u>		
7	114322059	Son Thị Kim Ngân	02/02/2004	Nữ	9.8	6.0	7.9	007	<u>Ngân</u>		
8	114322061	Kim Thị Nghia	10/01/2004	Nữ	9.8	4.3	7.1	008	<u>Nghia</u>		
9	114322064	Lê Thị Ánh Ngọc	02/10/2004	Nữ	10.0	6.0	8.0	009	<u>Ngọc</u>		
10	114322069	Lê Thị Trúc Nguyên	23/01/2004	Nữ	9.8	4.8	7.3	010	<u>Trúc</u>		
11	114322070	Huỳnh Minh Nhật	27/02/2004	Nam	10.0	6.3	8.2	011	<u>Nhật</u>		
12	114322071	Nguyễn Thị Hồng Nhi	06/03/2004	Nữ	10.0	7.3	8.7	012	<u>Nhi</u>		
13	114322075	Giang Thị Tuyết Như	30/08/2004	Nữ	10.0	7.8	8.9	013	<u>Như</u>		
14	114322077	Mai Huỳnh Như	10/01/2004	Nữ	10.0	7.3	8.7	014	<u>Như</u>		
15	114322084	Nguyễn Thị Kiều Oanh	18/10/2004	Nữ	9.8	7.3	8.6	015	<u>Oanh</u>		
16	114322086	Thạch Thị Sô Phol	05/07/2004	Nữ	10.0	5.0	7.5	016	<u>Phol</u>		7.5
17	114322088	Lê Bùi Ngọc Quý	13/04/2004	Nữ	9.8	5.5	7.7	017	<u>Quý</u>		
18	114322089	Huỳnh Chí Quốc	03/06/2003	Nam	9.8	6.3	8.1	018	<u>Quốc</u>		
19	114322091	Nguyễn Thị Hạnh Quyên	16/08/2004	Nữ	10.0	7.3	8.7	019	<u>Quyên</u>		
20	114322092	Thạch Thị Sóc Sê Rây	15/12/2004	Nữ	9.5	6.8	8.2	020	<u>Sê</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 11 năm 23

Cán bộ coi thi 1: Phạm Hồng Sơn

Cán bộ ghi điểm: Lưu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (16 -)/DA22THD

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

09/11/2023

Phòng thi:.....021.110.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	114322095	Cô Thị Kim Sang	07/02/2004	Nữ	10.0	7.3	8.7	021	Phan		
2	114322124	Ngô Thị Huế Trân	20/08/2004	Nữ	10.0	4.0	7.0	022	Phan		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....02.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....02.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....02.....

Tổng số tờ:.....02.....

Cán bộ coi thi 1:.....Phan Hồng Sang.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 11 năm 23.

Cán bộ ghi điểm:.....Lan Cao Dương Phương Lan.....

Cán bộ kiểm tra:.....Lan.....

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (16 -)/DA22YKA

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....09...../.....11...../.....2023.....

Phòng thi:.....D.X.1.114.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Ghi chú
1	116022035	Đoàn Thanh Dũng	15/10/2004	Nam	10.0	5.0	7.5	006			

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....01.....

Điểm QT: 50.....%; Điểm KT: 50.....%

Tổng số sv, hs dự đánh giá:01.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....01.....

Tổng số tờ:.....

Trà Vinh, Ngày 14... tháng 11... năm 23

Cán bộ coi thi 1:..... Cao Dương Phụng Lan

Cán bộ ghi điểm:..... Cao Dương Phụng Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (16 -)/DA22NNAC

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

09 / 11 / 2023

Phòng thi: D21-114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	110422068	Ngô Thị Bích Liên	22/08/2003	Nữ	8.0	3.8	5.9	002	<u>Go</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ:

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 11 năm 23

Cán bộ coi thi 1: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: lak

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (16 -)/DA22NCT

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

09 / 11 / 2023

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	D.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	115522004	Thạch Số Thia	03/11/2004	Nam	✓	✓		✓	✓	làm thi vắng	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01...

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 00...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 00...

Tổng số tờ:

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 11 năm 23

Cán bộ coi thi 1: Lưu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Lưu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ: 2

Nhóm/Lớp: (16 -)/DA22SNV

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....03...../.....11...../.....2023.....

Phòng thi:.....D71...../.....114.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Ghi chú
1	113722003	Hà Hồng Duy	09/08/2004	Nữ	10.0	7.3	8.7	003	Duy		
2	113722004	Phan Huỳnh Ngọc Hiền	23/05/2004	Nữ	10.0	5.8	7.9	004	Hiền		
3	113722014	Lê Xuân Nhi	31/05/2004	Nữ	10.0	7.0	8.5	005	Xuan		

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....03.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:03.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....03.....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày 14 tháng 11 năm 23

Cán bộ coi thi 1:.....lam Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm:.....lam Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....lam

Nguyễn Thị Lành